

Số: 13 /QĐ-SKHĐT.

Biên Hòa, ngày 09 tháng 02 năm 2007

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành bản Quy định về trình tự, thủ tục cấp, điều chỉnh Giấy chứng nhận đầu tư đối với Doanh nghiệp hoạt động theo Luật Đầu tư.

GIÁM ĐỐC SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ

Căn cứ Quyết định số 333/2004/QĐ.UBT ngày 30/01/2004 của Chủ tịch UBND tỉnh Đồng Nai về việc ban hành bản quy định về tổ chức và hoạt động của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Quyết định số 3726/QĐ-CT.UBT ngày 31/8/2004 của Chủ tịch UBND tỉnh Đồng Nai về việc phê duyệt Đề án cải cách thủ tục hành chính theo cơ chế "Một cửa" của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai;

Theo đề nghị của ông Trưởng phòng Hợp tác đầu tư Sở Kế hoạch và Đầu tư,

QUYẾT ĐỊNH :

Điều 1. Nay ban hành bản Quy định về trình tự, thủ tục cấp, điều chỉnh Giấy chứng nhận đầu tư đối với doanh nghiệp hoạt động theo Luật Đầu tư.

Quy định này thay thế bản Quy định các thủ tục hành chính trong lĩnh vực về thủ tục thẩm định dự án đầu tư trong nước và nước ngoài theo cơ chế " Một cửa" tại Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai ban hành kèm theo Quyết định số 41/QĐ-KHĐT ngày 19/7/2004 của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Các ông (bà) Chánh Văn phòng, Trưởng phòng Hợp tác đầu tư, Chánh Thanh tra Sở và các cán bộ, công chức Sở Kế hoạch và Đầu tư có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận :

- Như Điều 3 (để thực hiện);
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư (b/c);
- Ủy ban nhân dân tỉnh (b/c);
- Sở Nội vụ (b/c);
- Lưu: VT, HTĐT, VP.



Giám Đốc
Bồ Ngọc Thu

QUY ĐỊNH

**Trình tự, thủ tục cấp, điều chỉnh Giấy chứng nhận đầu tư
đối với Doanh nghiệp hoạt động theo Luật Đầu tư.**
(Ban hành kèm theo Quyết định số 12./QĐ-SKHĐT ngày 09/02/2007
của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai)

Chương I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Tiếp nhận hồ sơ

Việc tiếp nhận hồ sơ cấp, điều chỉnh Giấy chứng nhận đầu tư và trả kết quả được thực hiện tại Phòng Hợp tác Đầu tư thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai theo cơ chế một cửa. Người đăng ký nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Phòng Hợp tác Đầu tư để được giải quyết theo quy định.

Điều 2. Trách nhiệm của Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả

Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả có trách nhiệm giải thích, hướng dẫn người nộp hồ sơ thực hiện đúng quy định; tiếp nhận hồ sơ cấp, điều chỉnh Giấy chứng nhận đầu tư hợp lệ và giao biên nhận hẹn ngày trả kết quả; giao Giấy chứng nhận đầu tư cho người đại diện theo quy định.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

1. Dự án không cần phải đăng ký đầu tư

Dự án đầu tư trong nước vốn đầu tư dưới 15 tỷ đồng và không thuộc lĩnh vực đầu tư có điều kiện.

2. Dự án đăng ký đầu tư cấp Giấy chứng nhận đầu tư

a) Dự án đầu tư trong nước vốn đầu tư dưới 15 tỷ đồng và không thuộc lĩnh vực đầu tư có điều kiện có nhu cầu được xác nhận ưu đãi đầu tư hoặc cấp Giấy chứng nhận đầu tư.

b) Dự án đầu tư trong nước vốn đầu tư từ 15 tỷ đồng Việt Nam đến dưới 300 tỷ đồng.

c) Dự án đầu tư nước ngoài vốn đầu tư dưới 300 tỷ đồng và không thuộc lĩnh vực đầu tư có điều kiện.

3. Dự án thẩm tra đầu tư cấp giấy chứng nhận đầu tư

a) Dự án đầu tư trong và ngoài nước vốn đầu tư từ 300 tỷ đồng trở lên.

b) Dự án đầu tư thuộc lĩnh vực đầu tư có điều kiện.

(Danh mục lĩnh vực đầu tư có điều kiện kèm theo Phụ lục III-A và III-B)

4. Dự án đăng ký lại

Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài được thành lập theo Luật Đầu tư nước ngoài tại Việt Nam đăng ký kinh doanh theo quy định của Luật Doanh nghiệp để thực hiện dự án đầu tư theo quy định của Luật Đầu tư và được cấp Giấy chứng nhận đầu tư mới mà vẫn giữ nguyên loại hình doanh nghiệp theo Giấy phép đầu tư đã được cấp; Giấy chứng nhận đầu tư đồng thời là Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

5. Doanh nghiệp chuyển đổi

Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài thay đổi loại hình doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Đầu tư và được cấp Giấy chứng nhận đầu tư mới.

6. Đăng ký đổi Giấy chứng nhận đầu tư

Các bên tham gia hợp đồng hợp tác kinh doanh đăng ký đổi Giấy phép đầu tư thành Giấy chứng nhận đầu tư.

Chương II THỦ TỤC ĐĂNG KÝ VÀ THẨM TRA CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN ĐẦU TƯ

Điều 4 : Thủ tục đăng ký đầu tư cấp Giấy chứng nhận đầu tư

1. Hồ sơ đăng ký đầu tư gồm:

- a) Văn bản đăng ký đầu tư (theo mẫu);
- b) Hợp đồng hợp tác kinh doanh đối với hình thức đầu tư theo hợp đồng hợp tác kinh doanh;
- c) Báo cáo năng lực tài chính của nhà đầu tư (do nhà đầu tư lập và chịu trách nhiệm).

d) Đối với trường hợp dự án đầu tư gắn với việc thành lập tổ chức kinh tế, ngoài hồ sơ quy định nêu trên, nhà đầu tư phải nộp kèm theo:

- Hồ sơ đăng ký kinh doanh tương ứng với mỗi loại hình doanh nghiệp (Điều lệ Công ty; Danh sách thành viên; Bản sao hợp lệ quyết định thành lập tổ chức trường hợp chủ đầu tư là một tổ chức; Bản sao hợp lệ chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu trường hợp chủ đầu tư là cá nhân ; Văn bản xác nhận vốn pháp định đối với công ty kinh doanh ngành nghề phải có vốn pháp định; Bản sao hợp lệ chứng chỉ hành nghề của Tổng giám đốc và cá nhân khác nếu công ty kinh doanh ngành nghề phải có chứng chỉ hành nghề).

- Hợp đồng liên doanh đối với hình thức đầu tư thành lập tổ chức kinh tế liên doanh giữa nhà đầu tư trong nước và nhà đầu tư nước ngoài.

Nhà đầu tư nộp 3 bộ hồ sơ dự án đầu tư, trong đó có 1 bộ hồ sơ gốc

3. Thời hạn xem xét :

Trong vòng 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầu tư hợp lệ.

Điều 5 : Thủ tục thẩm tra đầu tư cấp Giấy chứng nhận đầu tư

1. Hồ sơ thẩm tra đầu tư gồm:

- a) Văn bản đề nghị cấp Giấy chứng nhận đầu tư (theo mẫu);
- b) Văn bản xác nhận tư cách pháp lý của nhà đầu tư:
 - Bản sao quyết định thành lập hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác (đối với nhà đầu tư là tổ chức).
 - Bản sao hộ chiếu hoặc chứng minh nhân dân (đối với nhà đầu tư là cá nhân).
- c) Báo cáo năng lực tài chính của nhà đầu tư ;
 - Giấy xác nhận của Ngân hàng nơi doanh nghiệp mở tài khoản chính
 - Báo cáo kết quả tài chính năm gần nhất
 - Văn bản cam kết của nhà đầu tư về tài chính thực hiện dự án.
- d) Giải trình kinh tế - kỹ thuật dự án đầu tư;
- e) Hợp đồng hợp tác kinh doanh (đối với hình thức đầu tư theo hợp đồng hợp tác kinh doanh).
- g) Trường hợp thực hiện thủ tục đầu tư đồng thời với thủ tục đăng ký kinh doanh, ngoài hồ sơ quy định nêu trên, nhà đầu tư phải nộp kèm theo:
 - Hồ sơ đăng ký kinh doanh tương ứng với mỗi loại hình doanh nghiệp (Điều lệ Công ty; Danh sách thành viên; Bản sao hợp lệ quyết định thành lập tổ chức trường hợp chủ đầu tư là một tổ chức; Bản sao hợp lệ chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu trường hợp chủ đầu tư là cá nhân ; Văn bản xác nhận vốn pháp định đối với công ty kinh doanh ngành nghề phải có vốn pháp định; Bản sao hợp lệ chứng chỉ hành nghề của Tổng giám đốc và cá nhân khác nếu công ty kinh doanh ngành nghề phải có chứng chỉ hành nghề).
 - Hợp đồng liên doanh đối với hình thức thành lập tổ chức kinh tế liên doanh giữa nhà đầu tư trong nước và nhà đầu tư nước ngoài.
- h) Đối với dự án đầu tư có điều kiện, cần bổ sung giải trình khả năng đáp ứng điều kiện đầu tư của dự án .
- i) Đối với dự án đầu tư có sử dụng vốn nhà nước (Vốn ngân sách nhà nước; Vốn tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước; Vốn tín dụng do Nhà nước bảo lãnh; Vốn đầu tư phát triển của doanh nghiệp nhà nước; Vốn đầu tư của Tổng công ty Đầu tư kinh doanh vốn nhà nước) cần bổ sung văn bản chấp thuận việc sử dụng vốn nhà nước của Cơ quan có thẩm quyền quyết định sử dụng vốn ngân sách nhà nước.

Nhà đầu tư nộp 8 bộ hồ sơ dự án đầu tư, trong đó có 1 bộ hồ sơ gốc. Trường hợp dự án thuộc lĩnh vực cần có chấp thuận của Thủ tướng Chính phủ : nộp 10 bộ hồ sơ dự án đầu tư, trong đó ít nhất có 1 bộ hồ sơ gốc.

(Danh mục dự án cần có chấp thuận của Thủ tướng Chính phủ kèm theo phụ lục II)

2. Thời hạn xem xét :

Trong vòng 45 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

Chương III

THỦ TỤC ĐIỀU CHỈNH GIẤY CHỨNG NHẬN ĐẦU TƯ

Điều 6. Dự án không lập thủ tục điều chỉnh Giấy chứng nhận đầu tư

1. Dự án không điều chỉnh về mục tiêu, quy mô, địa điểm, vốn, hình thức, thời hạn;
2. Dự án đầu tư trong nước mà sau khi điều chỉnh có quy mô vốn đầu tư dưới 15 tỷ đồng và không thuộc lĩnh vực đầu tư có điều kiện;
3. Dự án đầu tư trong nước mà sau khi điều chỉnh có quy mô vốn đầu tư dưới 300 tỷ đồng và không thay đổi mục tiêu, địa điểm đầu tư.

Điều 7. Thủ tục dự án đăng ký điều chỉnh Giấy chứng nhận đầu tư

1. Đối tượng :

- a) Dự án đầu tư nước ngoài sau khi điều chỉnh có quy mô vốn đầu tư dưới 300 tỷ đồng và không thuộc lĩnh vực đầu tư có điều kiện;
- b) Dự án đầu tư trong nước sau khi điều chỉnh không thuộc lĩnh vực đầu tư có điều kiện.
- c) Dự án đầu tư trong nước thuộc lĩnh vực đầu tư có điều kiện mà sau khi điều chỉnh, không thay đổi mục tiêu và vẫn đáp ứng các điều kiện đầu tư quy định đối với dự án đó.

2. Hồ sơ đăng ký điều chỉnh:

- Văn bản đăng ký chứng nhận nội dung điều chỉnh dự án đầu tư.
- Bản sao Giấy chứng nhận đầu tư.
- Bản sửa đổi, bổ sung của hợp đồng liên doanh hoặc hợp đồng hợp tác kinh doanh hoặc điều lệ doanh nghiệp (đối với dự án có vốn đầu tư nước ngoài);

Nhà đầu tư nộp 3 bộ hồ sơ, trong đó có 1 bộ hồ sơ gốc

3. Thời hạn xem xét :

Trong vòng 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

Điều 8. Thủ tục dự án thẩm tra điều chỉnh Giấy chứng nhận đầu tư

1. Đối tượng :

- a) Dự án có vốn đầu tư nước ngoài sau khi điều chỉnh thuộc diện thẩm tra cấp Giấy chứng nhận đầu tư;
- b) Dự án đầu tư trong nước mà sau khi điều chỉnh thuộc lĩnh vực đầu tư có điều kiện.

2. Hồ sơ thẩm tra điều chỉnh :

- Văn bản đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư.
- Giải trình lý do điều chỉnh.
- Những thay đổi so với dự án đang triển khai.
- Báo cáo tình hình thực hiện dự án đến thời điểm điều chỉnh dự án.
- Bản sao Giấy chứng nhận đầu tư.

- Bản sửa đổi, bổ sung của hợp đồng liên doanh hoặc hợp đồng hợp tác kinh doanh hoặc điều lệ doanh nghiệp (đối với dự án có vốn đầu tư nước ngoài);

Nhà đầu tư nộp 8 bộ hồ sơ, trong đó có 1 bộ hồ sơ gốc

3. Thời hạn xem xét :

Trong vòng 30 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ;

Chương IV

THỦ TỤC ĐĂNG KÝ LẠI, CHUYỂN ĐỔI, ĐĂNG KÝ ĐỔI GIẤY CHỨNG NHẬN ĐẦU TƯ CỦA CÁC DOANH NGHIỆP CÓ VỐN ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI

Điều 9. Thủ tục đăng ký lại

1. Hồ sơ đăng ký lại doanh nghiệp

- a) Văn bản đề nghị đăng ký lại của doanh nghiệp.
- b) Dự thảo Điều lệ doanh nghiệp sửa đổi phù hợp với quy định của pháp luật về doanh nghiệp.
- c) Bản sao hợp lệ Giấy phép đầu tư và các Giấy phép điều chỉnh.
- d) Các tài liệu khác tương ứng nếu doanh nghiệp có yêu cầu điều chỉnh các nội dung liên quan đến đăng ký kinh doanh và dự án đầu tư.

Nhà đầu tư nộp 3 bộ hồ sơ, trong đó có 1 bộ hồ sơ gốc

2. Thời hạn xem xét :

Trong vòng 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

Điều 10. Thủ tục chuyển đổi doanh nghiệp

1. Đối tượng chuyển đổi :

- a) Doanh nghiệp liên doanh và doanh nghiệp 100% vốn nước ngoài có từ hai chủ sở hữu trở lên chuyển đổi thành công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên.
- b) Doanh nghiệp 100% vốn nước ngoài do một tổ chức hoặc cá nhân nước ngoài đầu tư chuyển đổi thành công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên.
- c) Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài là công ty trách nhiệm hữu hạn chuyển đổi thành công ty cổ phần và ngược lại.

2. Hồ sơ chuyển đổi doanh nghiệp

- a) Văn bản đề nghị chuyển đổi doanh nghiệp.
- b) Dự thảo Điều lệ của doanh nghiệp phù hợp với các quy định của pháp luật về doanh nghiệp.

c) Quyết định chuyển đổi doanh nghiệp của chủ doanh nghiệp 100% vốn nước ngoài, Hội đồng quản trị doanh nghiệp liên doanh hoặc Đại hội đồng cổ đông của công ty cổ phần có vốn đầu tư nước ngoài.

Quyết định chuyển đổi doanh nghiệp phải được gửi đến tất cả các chủ nợ và thông báo cho người lao động trong doanh nghiệp biết trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày thông qua quyết định.

d) Bản sao hợp lệ Giấy phép đầu tư và các Giấy phép điều chỉnh.

e) Trường hợp chuyển đổi có bổ sung thêm thành viên mới thì trong hồ sơ nói trên còn bao gồm:

- Bản sao Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác (thành viên mới là cá nhân).

- Bản sao Quyết định thành lập, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc tài liệu tương đương khác của pháp nhân; Quyết định uỷ quyền, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của người đại diện theo uỷ quyền (thành viên là tổ chức).

Đối với thành viên mới là tổ chức nước ngoài thì bản sao Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và Điều lệ phải có chứng thực của cơ quan nơi tổ chức đó đã đăng ký không quá 3 tháng trước ngày nộp hồ sơ.

g) Các tài liệu khác tương ứng nếu doanh nghiệp có yêu cầu điều chỉnh các nội dung liên quan đến đăng ký kinh doanh và dự án đầu tư.

Nhà đầu tư nộp 8 bộ hồ sơ, trong đó có 1 bộ hồ sơ gốc

3. Thời hạn xem xét :

Trong vòng 30 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

Điều 11. Thủ tục đăng ký đổi giấy chứng nhận đầu tư

1. Đối tượng :

Các dự án đầu tư theo hình thức hợp đồng hợp tác kinh doanh đã được cấp Giấy phép đầu tư trước ngày 01 tháng 7 năm 2006.

2. Hồ sơ đăng ký đổi Giấy chứng nhận đầu tư

a) Văn bản đề nghị đổi Giấy chứng nhận đầu tư do các bên tham gia hợp đồng hợp tác kinh doanh ký.

b) Bản sao hợp lệ Giấy phép đầu tư và các Giấy phép điều chỉnh.

c) Các tài liệu khác tương ứng nếu doanh nghiệp có yêu cầu điều chỉnh các nội dung liên quan đến đăng ký kinh doanh và dự án đầu tư.

Nhà đầu tư nộp 3 bộ hồ sơ, trong đó có 1 bộ hồ sơ gốc

3. Thời hạn xem xét :

Trong vòng 7 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

Chương V CÁC TRƯỜNG HỢP KHÁC

Điều 12. Quy định về góp vốn, mua cổ phần, sáp nhập, mua lại doanh nghiệp

1. Nhà đầu tư nước ngoài mua cổ phần của doanh nghiệp Việt Nam thì doanh nghiệp đó làm thủ tục đăng ký kinh doanh theo pháp luật về doanh nghiệp.

2. Nhà đầu tư nước ngoài mua cổ phần của doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài đang hoạt động tại Việt Nam thì thực hiện thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư theo quy định tại chương II của quy định này.

3. Nhà đầu tư nước ngoài góp vốn để đầu tư thì phải làm thủ tục đầu tư theo quy định của chương I của quy định này.

4. Nhà đầu tư nước ngoài sáp nhập, mua lại doanh nghiệp đang hoạt động tại Việt Nam thì thực hiện thủ tục đầu tư để được cấp Giấy chứng nhận đầu tư .

a) Hồ sơ sáp nhập, mua lại doanh nghiệp gồm:

- Văn bản đề nghị sáp nhập, mua lại doanh nghiệp.
- Quyết định của hội đồng thành viên hoặc của chủ sở hữu doanh nghiệp hoặc của đại hội đồng cổ đông về việc bán doanh nghiệp;

- Hợp đồng sáp nhập, mua lại doanh nghiệp .

- Điều lệ của doanh nghiệp bị sáp nhập, mua lại.

- Dự thảo điều lệ của doanh nghiệp sau khi được phép sáp nhập, mua lại (nếu có sự thay đổi).

- Văn bản xác nhận tư cách pháp lý của nhà đầu tư nước ngoài gồm: Bản sao quyết định thành lập hoặc giấy tờ có giá trị tương đương khác đối với nhà đầu tư là tổ chức kinh tế, hoặc Bản sao hộ chiếu đối với nhà đầu tư là cá nhân.

Nhà đầu tư nộp 3 bộ hồ sơ, trong đó có 1 bộ hồ sơ gốc (trường hợp dự án sáp nhập, mua lại thuộc lĩnh vực đăng ký cấp giấy chứng nhận đầu tư); Nhà đầu tư nộp 8 bộ hồ sơ, trong đó có 1 bộ hồ sơ gốc trường hợp dự án sáp nhập, mua lại thuộc lĩnh vực thẩm tra cấp giấy chứng nhận đầu tư.

b) Thời hạn xem xét : trong vòng 30 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

Điều 13. Quy định về chuyển nhượng vốn

1. Tổ chức kinh tế có quyền chuyển nhượng vốn của mình trong doanh nghiệp và thực hiện thủ tục đăng ký thành viên, đăng ký cổ đông trong sổ đăng ký thành viên, sổ đăng ký cổ đông theo quy định của Luật Doanh nghiệp và pháp luật có liên quan.

Đối với doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, khi chuyển nhượng vốn doanh nghiệp phải thông báo cho cơ quan cấp Giấy chứng nhận đầu tư về việc chuyển nhượng vốn để điều chỉnh Giấy chứng nhận đầu tư.

2. Điều kiện chuyển nhượng vốn:

- a) Bảo đảm các yêu cầu theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Nghị định này và pháp luật có liên quan;
- b) Bảo đảm tỷ lệ và các điều kiện phù hợp với quy định trong điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên;
- c) Việc chuyển nhượng vốn là giá trị quyền sử dụng đất phải phù hợp với quy định pháp luật về đất đai và pháp luật có liên quan.

Điều 14. Quy định về chuyển nhượng dự án

1. Nhà đầu tư có quyền chuyển nhượng dự án do mình thực hiện cho nhà đầu tư khác.

2. Trường hợp chuyển nhượng dự án của tổ chức kinh tế không gắn với việc chấm dứt hoạt động của tổ chức kinh tế chuyển nhượng thì việc chuyển nhượng dự án sẽ tuân thủ các điều kiện và thủ tục chuyển nhượng vốn.

3. Trường hợp chuyển nhượng dự án gắn với việc chấm dứt hoạt động đầu tư kinh doanh của tổ chức kinh tế chuyển nhượng thì việc chuyển nhượng dự án phải tuân thủ quy định về điều kiện và thủ tục sáp nhập, mua lại doanh nghiệp.

4. Trường hợp chuyển nhượng dự án đầu tư gắn với việc chấm dứt hoạt động của tổ chức kinh tế chuyển nhượng và bên nhận chuyển nhượng thành lập tổ chức kinh tế để tiếp tục triển khai dự án đầu tư đó thì thực hiện lập thủ tục đầu tư theo quy định.

5. Hồ sơ chuyển nhượng dự án đầu tư gồm:

- Văn bản đăng ký chuyển nhượng dự án;
- Hợp đồng chuyển nhượng dự án;
- Văn bản về tư cách pháp lý của bên nhận chuyển nhượng; báo cáo tình hình hoạt động triển khai dự án.

Nhà đầu tư nộp 3 bộ hồ sơ, trong đó có 1 bộ hồ sơ gốc.

6. Thời hạn xem xét : trong vòng 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

Điều 15. Quy định về tạm ngừng, giãn tiến độ dự án

1. Nhà đầu tư khi tạm ngừng hoặc giãn tiến độ thực hiện dự án đầu tư mà làm thay đổi tiến độ thực hiện dự án đầu tư đã cam kết thì phải thông báo bằng văn bản với cơ quan nhà nước quản lý đầu tư về lý do và thời hạn tạm ngừng, giãn tiến độ thực hiện dự án chậm nhất 15 ngày làm việc trước ngày tạm ngừng hoặc giãn tiến độ thực hiện dự án đầu tư.

2. Trường hợp hoạt động trở lại, nhà đầu tư thông báo bằng văn bản cho cơ quan nhà nước quản lý đầu tư.

Chương VI ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 16. Xử lý vi phạm, khen thưởng

1. Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả không được đặt thêm các thủ tục, điều kiện với quy định này; không được có hành vi gây khó khăn, phiền hà đối với nhà đầu tư trong khi giải quyết thủ tục đầu tư. Công chức vi phạm tùy theo mức độ vi phạm sẽ bị xử lý kỷ luật theo quy định của pháp luật.

2. Công chức hoàn thành tốt nhiệm vụ được xét khen thưởng theo quy định của pháp luật.

Điều 17. Tổ chức thực hiện.

1. Quy trình thủ tục hồ sơ được niêm yết công khai tại khu vực các nhà đầu tư có điều kiện đọc và tham khảo.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu có những vấn đề phát sinh cần phải sửa đổi, bổ sung, Phòng Hợp tác Đầu tư có trách nhiệm tổng hợp, đề xuất trình Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư xem xét quyết định./.

GIÁM ĐỐC

Bô Ngọc Thu

Quittrinh-thutucdautu-2007-T2



CÁC PHỤ LỤC

Danh mục: lĩnh vực ưu đãi đầu tư, lĩnh vực có sự chấp thuận chủ trương của Thủ tướng Chính phủ, lĩnh vực đầu tư có điều kiện, lĩnh vực cấm đầu tư

(Ban hành kèm theo Quyết định số 13./QĐ-SKHĐT ngày 09/02/2007 của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai)

Phụ lục I

DANH MỤC LĨNH VỰC ƯU ĐÃI ĐẦU TƯ

(Ban hành kèm theo Nghị định số 108/2006/NĐ-CP ngày 22 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ)

A. DANH MỤC LĨNH VỰC ĐẶC BIỆT ƯU ĐÃI ĐẦU TƯ

I. Sản xuất vật liệu mới, năng lượng mới; sản xuất sản phẩm công nghệ cao, công nghệ sinh học, công nghệ thông tin; cơ khí chế tạo

1. Sản xuất vật liệu composit, các loại vật liệu xây dựng nhẹ, vật liệu quý hiếm.
2. Sản xuất thép cao cấp, hợp kim, kim loại đặc biệt, sắt xộp, phôi thép.
3. Đầu tư xây dựng cơ sở sử dụng năng lượng mặt trời, năng lượng gió, khí sinh vật, địa nhiệt, thủy triều.
4. Sản xuất thiết bị y tế trong công nghệ phân tích và công nghệ chiết xuất trong y học; dụng cụ chỉnh hình, xe, dụng cụ chuyên dùng cho người tàn tật.
5. Ứng dụng công nghệ tiên tiến, công nghệ sinh học để sản xuất thuốc chữa bệnh cho người đạt tiêu chuẩn GMP quốc tế; sản xuất nguyên liệu thuốc kháng sinh.
6. Sản xuất máy tính, thiết bị thông tin, viễn thông, internet và sản phẩm công nghệ thông tin trọng điểm.
7. Sản xuất chất bán dẫn và các linh kiện điện tử kỹ thuật cao; sản xuất sản phẩm phần mềm, nội dung thông tin số; cung cấp các dịch vụ phần mềm, nghiên cứu công nghệ thông tin, đào tạo nguồn nhân lực công nghệ thông tin.
8. Đầu tư sản xuất, chế tạo thiết bị cơ khí chính xác; thiết bị, máy móc kiểm tra, kiểm soát an toàn quá trình sản xuất công nghiệp; rô bốt công nghiệp.

II. Nuôi trồng, chế biến nông, lâm, thủy sản; làm muối; sản xuất giống nhân tạo, giống cây trồng và giống vật nuôi mới

9. Trồng, chăm sóc rừng.
10. Nuôi trồng nông, lâm, thủy sản trên đất hoang hoá, vùng nước chưa được khai thác.
11. Đánh bắt hải sản ở vùng biển xa bờ.
12. Sản xuất giống nhân tạo, giống cây trồng, vật nuôi mới và có hiệu quả kinh tế cao.
13. Sản xuất, khai thác và tinh chế muối.

III. Sử dụng công nghệ cao, kỹ thuật hiện đại; bảo vệ môi trường sinh thái; nghiên cứu, phát triển và ươm tạo công nghệ cao

14. Ứng dụng công nghệ cao, công nghệ mới chưa được sử dụng tại Việt Nam; ứng dụng công nghệ sinh học.

15. Xử lý ô nhiễm và bảo vệ môi trường; sản xuất thiết bị xử lý ô nhiễm môi trường, thiết bị quan trắc và phân tích môi trường.

16. Thu gom, xử lý nước thải, khí thải, chất thải rắn; tái chế, tái sử dụng chất thải.

17. Nghiên cứu, phát triển và ươm tạo công nghệ cao.

IV. Sử dụng nhiều lao động

18. Dự án sử dụng thường xuyên từ 5.000 lao động trở lên.

V. Xây dựng và phát triển kết cấu hạ tầng và các dự án quan trọng

19. Đầu tư xây dựng, kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu kinh tế và các dự án quan trọng do Thủ tướng Chính phủ quyết định.

VI. Phát triển sự nghiệp giáo dục, đào tạo, y tế, thể dục và thể thao

20. Đầu tư xây dựng cơ sở cai nghiện ma túy, cai nghiện thuốc lá.

21. Đầu tư thành lập cơ sở thực hiện vệ sinh phòng chống dịch bệnh.

22. Đầu tư thành lập trung tâm lão khoa, hoạt động cứu trợ tập trung, chăm sóc người tàn tật, trẻ mồ côi.

23. Đầu tư xây dựng: trung tâm đào tạo, huấn luyện thể thao thành tích cao và đào tạo, huấn luyện thể thao cho người tàn tật; xây dựng cơ sở thể thao có thiết bị, phương tiện luyện tập và thi đấu đáp ứng yêu cầu tổ chức các giải đấu quốc tế.

VII. Những lĩnh vực sản xuất và dịch vụ khác

24. Đầu tư vào nghiên cứu và phát triển (R&D) chiếm 25% doanh thu trở lên.

25. Dịch vụ cứu hộ trên biển.

26. Đầu tư xây dựng chung cư cho công nhân làm việc tại các khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu kinh tế; đầu tư xây dựng ký túc xá sinh viên và xây dựng nhà ở cho các đối tượng chính sách xã hội.

B. DANH MỤC LĨNH VỰC ƯU ĐÃI ĐẦU TƯ

I. Sản xuất vật liệu mới, năng lượng mới; sản xuất sản phẩm công nghệ cao, công nghệ sinh học, công nghệ thông tin; cơ khí chế tạo

1. Sản xuất: vật liệu cách âm, cách điện, cách nhiệt cao; vật liệu tổng hợp thay thế gỗ; vật liệu chịu lửa; chất dẻo xây dựng; sợi thủy tinh; xi măng đặc chủng.

2. Sản xuất kim loại màu, luyện gang.

3. Sản xuất khuôn mẫu cho các sản phẩm kim loại và phi kim loại.
4. Đầu tư xây dựng mới nhà máy điện, phân phối điện, truyền tải điện.
5. Sản xuất trang thiết bị y tế, xây dựng kho bảo quản dược phẩm, dự trữ thuốc chữa bệnh cho người đề phòng thiên tai, thảm họa, dịch bệnh nguy hiểm.
6. Sản xuất thiết bị kiểm nghiệm độc chất trong thực phẩm.
7. Phát triển công nghiệp hoá dầu.
8. Sản xuất than cốc, than hoạt tính.
9. Sản xuất: thuốc bảo vệ thực vật, thuốc trừ sâu bệnh; thuốc phòng, chữa bệnh cho động vật, thủy sản; thuốc thú y.
10. Nguyên liệu thuốc và thuốc phòng chống các bệnh xã hội; vắc xin; sinh phẩm y tế; thuốc từ dược liệu; thuốc đông y.
11. Đầu tư xây dựng cơ sở thử nghiệm sinh học, đánh giá tính khả dụng của thuốc; cơ sở dược đạt tiêu chuẩn thực hành tốt trong sản xuất, bảo quản, kiểm nghiệm, thử nghiệm lâm sàng thuốc, nuôi trồng, thu hoạch và chế biến dược liệu.
12. Phát triển nguồn dược liệu và sản xuất thuốc từ dược liệu; dự án nghiên cứu, chứng minh cơ sở khoa học của bài thuốc đông y và xây dựng tiêu chuẩn kiểm nghiệm bài thuốc đông y; khảo sát, thống kê các loại dược liệu làm thuốc; sưu tầm, kế thừa và ứng dụng các bài thuốc đông y, tìm kiếm, khai thác sử dụng dược liệu mới.
13. Sản xuất sản phẩm điện tử.
14. Sản xuất máy móc, thiết bị, cụm chi tiết trong các lĩnh vực: khai thác dầu khí, mỏ, năng lượng, xi măng; sản xuất thiết bị nâng hạ cỡ lớn; sản xuất máy công cụ gia công kim loại, thiết bị luyện kim.
15. Đầu tư sản xuất khí cụ điện trung, cao thế, máy phát điện cỡ lớn.
16. Đầu tư sản xuất động cơ diesel; đầu tư sản xuất và sửa chữa, đóng tàu thủy; thiết bị phụ tùng cho các tàu vận tải, tàu đánh cá; sản xuất máy, phụ tùng ngành động lực, thủy lực, máy áp lực.
17. Sản xuất: thiết bị, xe, máy xây dựng; thiết bị kỹ thuật cho ngành vận tải; đầu máy xe lửa, toa xe.
18. Đầu tư sản xuất máy công cụ, máy móc, thiết bị, phụ tùng, máy phục vụ cho sản xuất nông, lâm nghiệp, máy chế biến thực phẩm, thiết bị tưới tiêu.
19. Đầu tư sản xuất thiết bị, máy cho ngành dệt, ngành may, ngành da.

II. Nuôi trồng, chế biến nông, lâm, thủy sản; làm muối; sản xuất giống nhân tạo, giống cây trồng và giống vật nuôi mới

20. Trồng cây dược liệu.
21. Đầu tư bảo quản nông sản sau thu hoạch, bảo quản nông, thủy sản và thực phẩm.
22. Sản xuất nước hoa quả đóng chai, đóng hộp.
23. Sản xuất, tinh chế thức ăn gia súc, gia cầm, thủy sản.
24. Dịch vụ kỹ thuật trồng cây công nghiệp và cây lâm nghiệp, chăn nuôi, thủy sản, bảo vệ cây trồng, vật nuôi.
25. Sản xuất, nhân và lai tạo giống cây trồng và vật nuôi.

III. Sử dụng công nghệ cao, kỹ thuật hiện đại; bảo vệ môi trường sinh thái; nghiên cứu, phát triển và ươm tạo công nghệ cao

26. Sản xuất thiết bị ứng phó, xử lý tràn dầu.
 27. Sản xuất thiết bị xử lý chất thải.
 28. Đầu tư xây dựng cơ sở, công trình kỹ thuật: phòng thí nghiệm, trạm thí nghiệm nhằm ứng dụng công nghệ mới vào sản xuất; đầu tư thành lập viện nghiên cứu.

IV. Sử dụng nhiều lao động

29. Dự án sử dụng thường xuyên từ 500 lao động đến 5.000 lao động.

V. Xây dựng và phát triển kết cấu hạ tầng

30. Xây dựng kết cấu hạ tầng phục vụ sản xuất, kinh doanh của hợp tác xã và phục vụ đời sống cộng đồng nông thôn.
 31. Đầu tư kinh doanh hạ tầng và đầu tư sản xuất trong cụm công nghiệp, điểm công nghiệp, cụm làng nghề nông thôn.
 32. Xây dựng nhà máy nước, hệ thống cấp nước phục vụ sinh hoạt, phục vụ công nghiệp, đầu tư xây dựng hệ thống thoát nước.
 33. Xây dựng, cải tạo cầu, đường bộ, cảng hàng không, sân bay, bến cảng, nhà ga, bến xe, nơi đỗ xe; mở thêm các tuyến đường sắt.
 34. Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu dân cư tập trung ở địa bàn thuộc Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này.

VI. Phát triển sự nghiệp giáo dục, đào tạo, y tế, thể dục, thể thao và văn hóa dân tộc

35. Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng của các cơ sở giáo dục, đào tạo; đầu tư xây dựng trường học, cơ sở giáo dục, đào tạo dân lập, tư thục ở các bậc học: giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, trung học chuyên nghiệp, dạy nghề, giáo dục đại học.
 36. Thành lập bệnh viện dân lập, bệnh viện tư nhân.
 37. Xây dựng: trung tâm thể dục, thể thao, nhà tập luyện, câu lạc bộ thể dục thể thao; cơ sở sản xuất, chế tạo, sửa chữa trang thiết bị, phương tiện tập luyện thể dục thể thao.
 38. Thành lập: nhà văn hoá dân tộc; đoàn ca, múa, nhạc dân tộc; rạp hát, trường quay, cơ sở in tráng phim, rạp chiếu phim; sản xuất, chế tạo, sửa chữa nhạc cụ dân tộc; duy tu, bảo tồn bảo tàng, nhà văn hoá dân tộc và các trường văn hóa nghệ thuật.
 39. Đầu tư xây dựng: khu du lịch quốc gia, khu du lịch sinh thái; khu công viên văn hóa có các hoạt động thể thao, vui chơi, giải trí.

VII. Phát triển ngành nghề truyền thống

40. Xây dựng và phát triển các ngành nghề truyền thống sản xuất hàng thủ công mỹ nghệ, chế biến nông sản thực phẩm và các sản phẩm văn hóa.

VIII. Những lĩnh vực sản xuất và dịch vụ khác

41. Cung cấp dịch vụ kết nối, truy cập và ứng dụng internet, các điểm truy cập điện thoại công cộng tại địa bàn quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này.
42. Phát triển vận tải công cộng bao gồm: vận tải bằng phương tiện tàu biển, máy bay; vận tải bằng đường sắt; vận tải hành khách đường bộ bằng xe ô tô từ 24 chỗ ngồi trở lên; vận tải bằng phương tiện thủy nội địa chở khách hiện đại, tốc độ cao; vận tải bằng công-ten-nơ.
43. Đầu tư di chuyển cơ sở sản xuất ra khỏi nội thị.
44. Đầu tư xây dựng chợ loại I, khu triển lãm.
45. Sản xuất đồ chơi trẻ em.
46. Hoạt động huy động vốn, cho vay vốn của Quỹ tín dụng nhân dân.
47. Tư vấn pháp luật, dịch vụ tư vấn về sở hữu trí tuệ và chuyển giao công nghệ.
48. Sản xuất các loại nguyên liệu thuốc trừ sâu bệnh.
49. Sản xuất hoá chất cơ bản, hoá chất tinh khiết, hoá chất chuyên dùng, thuốc nhuộm.
50. Sản xuất nguyên liệu chất tẩy rửa, phụ gia cho ngành hoá chất.
51. Sản xuất giấy, bìa, ván nhân tạo trực tiếp từ nguồn nguyên liệu nông, lâm sản trong nước; sản xuất bột giấy.
52. Dệt vải, hoàn thiện các sản phẩm dệt; sản xuất tơ, sợi các loại; thuộc, sơ chế da.
53. Dự án đầu tư sản xuất trong các khu công nghiệp do Thủ tướng Chính phủ quyết định thành lập.



Phụ lục II

DANH MỤC DỰ ÁN DO THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ VÀ BAN CHẤP THUẬN CHỦ TRƯỞNG ĐẦU TƯ

*(Ban hành kèm theo Nghị định số 108/2006/NĐ-CP
ngày 22 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ)*

1. Các dự án đầu tư không phân biệt nguồn vốn, quy mô đầu tư trong những lĩnh vực sau:
 - a) Xây dựng và kinh doanh cảng hàng không; vận tải hàng không;
 - b) Xây dựng và kinh doanh cảng biển quốc gia;
 - c) Thăm dò, khai thác, chế biến dầu khí; thăm dò, khai thác khoáng sản;
 - d) Phát thanh, truyền hình;
 - đ) Kinh doanh casino;
 - e) Sản xuất thuốc lá điếu;
 - g) Thành lập cơ sở đào tạo đại học;
 - h) Thành lập khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao và khu kinh tế.
2. Dự án đầu tư không thuộc quy định tại khoản 1 nêu trên, không phân biệt nguồn vốn và có quy mô vốn đầu tư từ 1.500 tỷ đồng Việt Nam trở lên trong những lĩnh vực sau:
 - a) Kinh doanh điện; chế biến khoáng sản; luyện kim;
 - b) Xây dựng kết cấu hạ tầng đường sắt, đường bộ, đường thủy nội địa;
 - c) Sản xuất, kinh doanh rượu, bia.
3. Dự án có vốn đầu tư nước ngoài trong các lĩnh vực sau:
 - a) Kinh doanh vận tải biển;
 - b) Thiết lập mạng và cung cấp dịch vụ bưu chính, chuyển phát, viễn thông và internet; thiết lập mạng truyền dẫn phát sóng;
 - c) In ấn, phát hành báo chí; xuất bản;
 - d) Thành lập cơ sở nghiên cứu khoa học độc lập.



Phụ lục III-A

DANH MỤC LĨNH VỰC ĐẦU TƯ CÓ ĐIỀU KIỆN

(Điều 29 Luật Đầu tư ngày 29/11/2005)

1. Lĩnh vực đầu tư có điều kiện bao gồm:
 - a) Lĩnh vực tác động đến quốc phòng, an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội;
 - b) Lĩnh vực tài chính, ngân hàng;
 - c) Lĩnh vực tác động đến sức khỏe cộng đồng;
 - d) Văn hóa, thông tin, báo chí, xuất bản;
 - đ) Dịch vụ giải trí;
 - e) Kinh doanh bất động sản;
 - g) Khảo sát, tìm kiếm, thăm dò, khai thác tài nguyên thiên nhiên; môi trường sinh thái;
 - h) Phát triển sự nghiệp giáo dục và đào tạo;
 - i) Một số lĩnh vực khác theo quy định của pháp luật.

2. Đối với nhà đầu tư nước ngoài, ngoài các lĩnh vực nêu trên còn bao gồm các lĩnh vực đầu tư theo lộ trình thực hiện cam kết quốc tế trong các điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

3. Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài đã đầu tư trong các lĩnh vực không thuộc lĩnh vực đầu tư có điều kiện, nhưng trong quá trình hoạt động, lĩnh vực đã đầu tư được bổ sung vào Danh mục lĩnh vực đầu tư có điều kiện thì nhà đầu tư vẫn được tiếp tục hoạt động trong lĩnh vực đó.

4. Nhà đầu tư nước ngoài được áp dụng điều kiện đầu tư như nhà đầu tư trong nước trong trường hợp các nhà đầu tư Việt Nam sở hữu từ 51% vốn Điều lệ của doanh nghiệp trở lên.



Phụ lục III-B

DANH MỤC LĨNH VỰC ĐẦU TƯ CÓ ĐIỀU KIỆN ÁP DỤNG CHO NHÀ ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI

(Ban hành kèm theo Nghị định số 108/2006/NĐ-CP
ngày 22 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ)

1. Phát thanh, truyền hình.
2. Sản xuất, xuất bản và phân phối các sản phẩm văn hoá.
3. Khai thác, chế biến khoáng sản.
4. Thiết lập hạ tầng mạng viễn thông, truyền dẫn phát sóng, cung cấp dịch vụ viễn thông và internet.
5. Xây dựng mạng bưu chính công cộng; cung cấp dịch vụ bưu chính, dịch vụ chuyển phát.
6. Xây dựng và vận hành cảng sông, cảng biển, cảng hàng không, sân bay.
7. Vận tải hàng hoá và hành khách bằng đường sắt, đường hàng không, đường bộ, đường biển, đường thuỷ nội địa.
8. Đánh bắt hải sản.
9. Sản xuất thuốc lá.
10. Kinh doanh bất động sản.
11. Đầu tư trong lĩnh vực xuất khẩu, nhập khẩu, phân phối.
12. Giáo dục, đào tạo.
13. Bệnh viện, phòng khám.
14. Các lĩnh vực đầu tư khác trong các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên cam kết hạn chế mở cửa thị trường cho nhà đầu tư nước ngoài.

Điều kiện đầu tư áp dụng đối với nhà đầu tư nước ngoài có dự án đầu tư thuộc các lĩnh vực đầu tư quy định tại Phụ lục này phải phù hợp với quy định của các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.



Phụ lục IV

DANH MỤC LĨNH VỰC CẤM ĐẦU TƯ

(Ban hành kèm theo Nghị định số 108/2006/NĐ-CP
ngày 22 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ)

I. Các dự án gây phương hại đến quốc phòng, an ninh quốc gia và lợi ích công cộng

1. Sản xuất, chế biến các chất ma túy.
2. Đầu tư kinh doanh dịch vụ điều tra bí mật xâm phạm lợi ích của nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân.
3. Đầu tư trong lĩnh vực thám tử tư, điều tra.

II. Các dự án gây phương hại đến di tích lịch sử, văn hóa, đạo đức, thuần phong mỹ tục Việt Nam

4. Các dự án xây dựng trong khuôn viên của các di tích lịch sử, văn hóa quốc gia; các dự án làm ảnh hưởng xấu đến kiến trúc, cảnh quan của các di tích lịch sử, văn hóa quốc gia.
5. Sản xuất các sản phẩm văn hóa đồi trụy, mê tín dị đoan.
6. Sản xuất đồ chơi nguy hiểm, đồ chơi có hại tới giáo dục nhân cách và sức khỏe của trẻ em hoặc tới an ninh, trật tự và an toàn xã hội.
7. Kinh doanh mại dâm; buôn bán phụ nữ, trẻ em.
8. Thử nghiệm sinh sản vô tính trên người.

III. Các dự án gây tổn hại đến sức khỏe nhân dân, làm hủy hoại tài nguyên, phá hủy môi trường

9. Sản xuất hóa chất bảng 1 (theo Công ước Quốc tế).
10. Sản xuất thuốc thú y, thuốc bảo vệ thực vật bị cấm hoặc không được phép sử dụng tại Việt Nam.
11. Sản xuất các loại thuốc chữa bệnh cho người, các loại vắc-xin, sinh phẩm y tế, mỹ phẩm, hóa chất và chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn chưa được phép sử dụng tại Việt Nam.

IV. Các dự án xử lý phế thải độc hại đưa từ bên ngoài vào Việt Nam; sản xuất các loại hóa chất độc hại hoặc sử dụng tác nhân độc hại bị cấm theo quy định của các điều ước quốc tế

12. Các dự án xử lý phế thải độc hại đưa từ bên ngoài vào Việt Nam; sản xuất các loại hóa chất độc hoặc sử dụng các tác nhân độc hại bị cấm theo điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

V. Các dự án đầu tư khác thuộc diện cấm đầu tư theo quy định của pháp luật



HƯỚNG DẪN CÁC BIỂU MẪU CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN ĐẦU TƯ

(Ban hành kèm theo Quyết định số 13./QĐ-SKHĐT ngày 09/02/2007
của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai)

Số TT	Danh mục Mẫu văn bản	Ký hiệu
I. Mẫu văn bản quy định cho nhà đầu tư		PHỤ LỤC I (từ I-1 đến I-16)
a) Mẫu văn bản áp dụng chung cho đầu tư trong nước và đầu tư nước ngoài		
1	Bản đăng ký/đề nghị cấp Giấy chứng nhận đầu tư (đối với trường hợp không gắn với thành lập doanh nghiệp/hoặc Chi nhánh)	Phụ lục I-1
2	Bản đăng ký/đề nghị cấp Giấy chứng nhận đầu tư (đối với trường hợp gắn với thành lập Chi nhánh)	Phụ lục I-2
3	Bản đăng ký/đề nghị cấp Giấy chứng nhận đầu tư (đối với trường hợp gắn với thành lập doanh nghiệp)	Phụ lục I-3
4	Bản đăng ký/đề nghị điều chỉnh Giấy chứng nhận đầu tư (đối với trường hợp Giấy chứng nhận đầu tư không gắn với thành lập doanh nghiệp/hoặc Chi nhánh)	Phụ lục I-4
5	Bản đăng ký/đề nghị điều chỉnh Giấy chứng nhận đầu tư (đối với trường hợp Giấy chứng nhận đầu tư gắn với thành lập Chi nhánh)	Phụ lục I-5
6	Bản đăng ký/đề nghị điều chỉnh Giấy chứng nhận đầu tư (đối với trường hợp Giấy chứng nhận đầu tư gắn với thành lập doanh nghiệp)	Phụ lục I-6
7	Bản đăng ký điều chỉnh nội dung đăng ký kinh doanh (đối với trường hợp chỉ điều chỉnh nội dung đăng ký kinh doanh/hoặc đăng ký hoạt động của Chi nhánh trong Giấy chứng nhận đầu tư)	Phụ lục I-7
8	Danh sách thành viên Công ty trách nhiệm hữu hạn có hai thành viên trở lên	Phụ lục I-8
9	Danh sách cổ đông sáng lập Công ty cổ phần	Phụ lục I-9
10	Danh sách thành viên sáng lập Công ty hợp danh	Phụ lục I-10
b) Mẫu văn bản chỉ áp dụng đối với đầu tư trong nước		
11	Bản đăng ký dự án đầu tư (đối với trường hợp dự án đầu tư trong nước không cấp Giấy chứng nhận đầu tư)	Phụ lục I-11
12	Bản đăng ký điều chỉnh dự án đầu tư (đối với trường hợp điều chỉnh dự án đầu tư trong nước không cấp Giấy chứng nhận đầu tư điều chỉnh)	Phụ lục I-12
c) Mẫu văn bản chỉ áp dụng đối với đầu tư nước ngoài		
13	Bản đăng ký lại doanh nghiệp và dự án đầu tư (đối với trường hợp đăng ký lại của doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài được cấp Giấy phép đầu tư trước ngày 01/7/2006)	Phụ lục I-13
14	Bản đăng ký đổi Giấy chứng nhận đầu tư (đối với trường hợp đổi Giấy chứng nhận đầu tư của các bên tham gia hợp đồng hợp tác kinh doanh được cấp Giấy phép đầu tư trước ngày 01/7/2006)	Phụ lục I-14

15	Bản đăng ký chuyển đổi loại hình doanh nghiệp (đối với trường hợp chuyển đổi loại hình doanh nghiệp của doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài được cấp Giấy phép đầu tư trước ngày 01/7/2006)	Phụ lục I-15
16	Bản đăng ký/đề nghị điều chỉnh Giấy phép đầu tư (đối với doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài và các bên tham gia hợp đồng hợp tác kinh doanh được cấp Giấy phép đầu tư trước ngày 01/7/2006 chưa đăng ký lại và không đăng ký lại)	Phụ lục I-16
II. Hướng dẫn cách ghi		
1	Hướng dẫn cách ghi các mẫu văn bản quy định cho nhà đầu tư	Phụ lục IV-1

Phụ lục I-1
Bản đăng ký/đề nghị cấp Giấy chứng nhận đầu tư
(đối với trường hợp không gắn với thành lập doanh nghiệp/hoặc Chi nhánh)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN ĐĂNG KÝ/ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN ĐẦU TƯ

[01] **Kính gửi:**

[02] Nhà đầu tư :

Đăng ký thực hiện dự án đầu tư với nội dung sau:

[11] 1. Tên dự án đầu tư:

[12] 2. Địa điểm: ; Diện tích đất dự kiến sử dụng:

[13] 3. Mục tiêu, quy mô của dự án:

[14] 4. Vốn đầu tư dự kiến để thực hiện dự án:

[15] Trong đó: Vốn góp để thực hiện dự án

[16] 5. Thời hạn hoạt động:

[17] 6. Tiến độ thực hiện dự án:

[18] 7. Kiến nghị được hưởng ưu đãi đầu tư:

8. Nhà đầu tư cam kết:

a) Về tính chính xác của nội dung của hồ sơ đầu tư;

b) Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật Việt Nam và các quy định của Giấy chứng nhận đầu tư

....., ngày tháng năm

[19]

NHÀ ĐẦU TƯ

[20] **Hồ sơ kèm theo:**

Phụ lục I-2
Bản đăng ký/đề nghị cấp Giấy chứng nhận đầu tư
(đối với trường hợp gắn với thành lập Chi nhánh)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN ĐĂNG KÝ/ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN ĐẦU TƯ

[01] **Kính gửi:**

[02] Nhà đầu tư:
Đăng ký hoạt động của Chi nhánh để thực hiện dự án đầu tư với nội dung sau:
I. Nội dung đăng ký hoạt động của Chi nhánh:

- [03] 1. Tên Chi nhánh:
[04] 2. Địa chỉ:
[07] 3. Người đứng đầu Chi nhánh:
[08] 4. Ngành, nghề kinh doanh:

II. Nội dung dự án đầu tư:

- [11] 1. Tên dự án đầu tư:
[12] 2. Địa điểm thực hiện dự án: ;Diện tích đất dự kiến sử dụng:
[13] 3. Mục tiêu và quy mô của dự án:
[14] 4. Vốn đầu tư thực hiện dự án:
[15] Trong đó: Vốn góp để thực hiện dự án
[16] 5. Thời hạn hoạt động:
[17] 6. Tiến độ thực hiện dự án:
[18] 7. Kiến nghị được hưởng ưu đãi đầu tư:

III. Nhà đầu tư cam kết:

1. Về tính chính xác của nội dung hồ sơ đầu tư;
2. Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật Việt Nam và các quy định của Giấy chứng nhận đầu tư

....., ngày tháng năm

NHÀ ĐẦU TƯ

[19]

[20] **Hồ sơ kèm theo:**

Phụ lục I-3

**Bản đăng ký/đề nghị cấp Giấy chứng nhận đầu tư
(đối với trường hợp gắn với thành lập doanh nghiệp)**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

BẢN ĐĂNG KÝ/ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN ĐẦU TƯ

- [01] **Kính gửi:**
- [02] Nhà đầu tư:
Đăng ký thành lập tổ chức kinh tế để thực hiện dự án đầu tư với nội dung sau:
- I. Nội dung đăng ký thành lập doanh nghiệp:**
- [03] 1. Tên doanh nghiệp:
- [04] 2. Địa chỉ trụ sở chính:
- [05] Chi nhánh/Văn phòng đại diện (nếu có)
- [06] 3. Loại hình doanh nghiệp đăng ký thành lập:
- [07] 4. Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp:
- [08] 5. Ngành, nghề kinh doanh:
- [09] 6. Vốn của doanh nghiệp:
- [10] 7. Vốn pháp định:
- II. Nội dung dự án đầu tư:**
- [11] 1. Tên dự án đầu tư:
- [12] 2. Địa điểm thực hiện dự án: ;Diện tích đất dự kiến sử dụng:
- [13] 3. Mục tiêu và quy mô của dự án:
- [14] 4. Vốn đầu tư thực hiện dự án:
- [15] Trong đó: Vốn góp để thực hiện dự án
- [16] 5. Thời hạn hoạt động:
- [17] 6. Tiến độ thực hiện dự án:
- [18] 7. Kiến nghị được hưởng ưu đãi đầu tư:
- III. Nhà đầu tư cam kết:**
1. Về tính chính xác của nội dung hồ sơ đầu tư;
2. Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật Việt Nam và các quy định của Giấy chứng nhận đầu tư
-, ngày tháng năm
- [19] **NHÀ ĐẦU TƯ**
- [20] **Hồ sơ kèm theo:**

Phụ lục I-4

Bản đăng ký/đề nghị điều chỉnh Giấy chứng nhận đầu tư
(*đối với trường hợp Giấy chứng nhận đầu tư không gắn với thành lập
doanh nghiệp/hoặc Chi nhánh*)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN ĐĂNG KÝ/ĐỀ NGHỊ ĐIỀU CHỈNH GIẤY CHỨNG NHẬN ĐẦU TƯ

- [01] **Kính gửi:**
- [02] Nhà đầu tư:
Đăng ký/đề nghị điều chỉnh Giấy chứng nhận đầu tư (*số, ngày cấp, nơi cấp*)
với nội dung sau:
(*Ghi nội dung đã quy định tại Giấy chứng nhận đầu tư và nội dung đề nghị
điều chỉnh nếu có trong các mục dưới đây*)
- [11] 1. Tên dự án đầu tư:
- [12] 2. Địa điểm thực hiện dự án: ; Diện tích đất dự kiến sử dụng:
- [13] 3. Mục tiêu và quy mô của dự án:
- [14] 4. Vốn đầu tư thực hiện dự án:
- [15] Trong đó: Vốn góp để thực hiện dự án
- [16] 5. Thời hạn hoạt động:
- [17] 6. Tiến độ thực hiện dự án:
- [18] 7. Kiến nghị được hưởng ưu đãi đầu tư:
8. Nhà đầu tư cam kết:
- a) Về tính chính xác của nội dung hồ sơ điều chỉnh;
- b) Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật Việt Nam và các quy
định của Giấy chứng nhận đầu tư

....., ngày tháng năm

[19]

NHÀ ĐẦU TƯ

[20] **Hồ sơ kèm theo:**

Phụ lục I-5

**Bản đăng ký/đề nghị điều chỉnh Giấy chứng nhận đầu tư
(đối với trường hợp Giấy chứng nhận đầu tư gắn với thành lập Chi nhánh)**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

BẢN ĐĂNG KÝ/ĐỀ NGHỊ ĐIỀU CHỈNH GIẤY CHỨNG NHẬN ĐẦU TƯ

- [01] **Kính gửi:**
- [02] Nhà đầu tư:
Đăng ký/đề nghị điều chỉnh Giấy chứng nhận đầu tư (số, ngày cấp, nơi cấp)
với nội dung sau:
(Ghi nội dung đã quy định tại Giấy chứng nhận đầu tư và nội dung đề nghị điều chỉnh nếu có trong các mục dưới đây)
- I. Đăng ký điều chỉnh nội dung hoạt động của Chi nhánh**
- [03] 1. Tên Chi nhánh:
- [04] 2. Địa chỉ:
- [07] 3. Người đứng đầu Chi nhánh:
- [08] 4. Ngành, nghề kinh doanh:
- II. Điều chỉnh nội dung dự án đầu tư**
- [11] 1. Tên dự án đầu tư:
- [12] 2. Địa điểm thực hiện dự án: ; Diện tích đất dự kiến sử dụng:
- [13] 3. Mục tiêu và quy mô của dự án:
- [14] 4. Vốn đầu tư thực hiện dự án:
- [15] Trong đó: Vốn góp để thực hiện dự án
- [16] 5. Thời hạn hoạt động:
- [17] 6. Tiến độ thực hiện dự án:
- [18] 7. Kiến nghị được hưởng ưu đãi đầu tư:
- III. Nhà đầu tư cam kết:**
1. Về tính chính xác của nội dung hồ sơ điều chỉnh;
2. Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật Việt Nam và các quy định của Giấy chứng nhận đầu tư
-, ngày tháng năm
- [19] **NHÀ ĐẦU TƯ**
- [20] **Hồ sơ kèm theo:**

Phụ lục I-6

**Bản đăng ký/đề nghị điều chỉnh Giấy chứng nhận đầu tư
(đối với trường hợp Giấy chứng nhận đầu tư gắn với thành lập doanh nghiệp)**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

BẢN ĐĂNG KÝ/ĐỀ NGHỊ ĐIỀU CHỈNH GIẤY CHỨNG NHẬN ĐẦU TƯ

- [01] **Kính gửi:**
- [02] Nhà đầu tư:
Đăng ký/đề nghị điều chỉnh Giấy chứng nhận đầu tư (số, ngày cấp, nơi cấp)
với nội dung sau:
(Ghi nội dung đã quy định tại Giấy chứng nhận đầu tư và nội dung đề nghị điều chỉnh nếu có trong các mục dưới đây)
- I. Đăng ký điều chỉnh nội dung kinh doanh**
- [03] 1. Tên doanh nghiệp:
[04] 2. Địa chỉ trụ sở chính:
[05] Chi nhánh/Văn phòng đại diện (nếu có):
[06] 3. Loại hình doanh nghiệp:
[07] 4. Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp:
[08] 5. Ngành, nghề kinh doanh:
[09] 6. Vốn của doanh nghiệp:
[10] 7. Vốn pháp định:
- II. Điều chỉnh nội dung dự án đầu tư**
- [11] 1. Tên dự án đầu tư:
[12] 2. Địa điểm thực hiện dự án: ; Diện tích đất dự kiến sử dụng:
[13] 3. Mục tiêu và quy mô của dự án:
[14] 4. Vốn đầu tư thực hiện dự án:
[15] Trong đó: Vốn góp để thực hiện dự án
[16] 5. Thời hạn hoạt động:
[17] 6. Tiến độ thực hiện dự án:
[18] 7. Kiến nghị được hưởng ưu đãi đầu tư:
- III. Nhà đầu tư cam kết:**
1. Về tính chính xác của nội dung hồ sơ điều chỉnh;
2. Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật Việt Nam và các quy định của Giấy chứng nhận đầu tư
-, ngày tháng năm
- [19] **NHÀ ĐẦU TƯ**
- [20] **Hồ sơ kèm theo:**

Phụ lục I-7

Bản đăng ký điều chỉnh nội dung đăng ký kinh doanh
(đối với trường hợp chi điều chỉnh nội dung đăng ký kinh doanh/hoặc đăng ký hoạt động của Chi nhánh trong Giấy chứng nhận đầu tư)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN ĐĂNG KÝ THAY ĐỔI NỘI DUNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH/hoặc
ĐĂNG KÝ HOẠT ĐỘNG CỦA CHI NHÁNH

[01]

Kính gửi:

[02]

Nhà đầu tư:

Đăng ký điều chỉnh nội dung đăng ký kinh doanh /hoặc đăng ký hoạt động của Chi nhánh trong Giấy chứng nhận đầu tư (số, ngày cấp, nơi cấp) với nội dung sau:

(Ghi nội dung đã quy định tại Giấy chứng nhận đầu tư và nội dung đề nghị điều chỉnh nếu có trong các mục dưới đây. Đối với trường hợp đăng ký hoạt động Chi nhánh thì không cần khai mục 3, 6 và 7 dưới đây và thay từ “doanh nghiệp” bằng từ “Chi nhánh”)

[03]

1. Tên doanh nghiệp:

[04]

2. Địa chỉ trụ sở chính:

[05]

Chi nhánh/Văn phòng đại diện (nếu có)

[06]

3. Loại hình doanh nghiệp:

[07]

4. Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp/hoặc người đứng đầu Chi nhánh:

[08]

5. Ngành, nghề kinh doanh:

[09]

6. Vốn của doanh nghiệp:

[10]

7. Vốn pháp định:

8. Nhà đầu tư cam kết:

a) Về tính chính xác của nội dung hồ sơ điều chỉnh;

b) Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật Việt Nam và các quy định của Giấy chứng nhận đầu tư

....., ngày tháng năm

NHÀ ĐẦU TƯ

[19]

[20]

Hồ sơ kèm theo:

Phụ lục I-8
DANH SÁCH THÀNH VIÊN ĐỐI VỚI CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN
CÓ TỪ HAI THÀNH VIÊN TRỞ LÊN

Số TT	Tên thành viên sáng lập	Địa chỉ	Quyết định thành lập	Vốn góp			Chữ ký của thành viên	Ghi chú
				Tổng giá trị vốn góp	Phương thức góp vốn	Thời điểm góp vốn		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)

....., ngày tháng năm

Đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp

(Ký và ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

Cột (2) Thành viên là cá nhân : Họ và tên/ngày sinh/Giới tính /Quốc tịch

Cột (3) Địa chỉ : Thành viên là cá nhân : Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú
 Đối với thành viên là tổ chức : địa chỉ trụ sở chính

Cột (4) Đối với thành viên sáng lập là cá nhân: Số, ngày, nơi cấp Chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc giấy tờ chứng thực cá nhân
 Đối với thành viên sáng lập là pháp nhân: Quyết định thành lập, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc tài liệu tương đương khác

Cột (6) Phương thức góp vốn: liệt kê tên loại tài sản góp vốn; số lượng từng loại tài sản góp vốn; giá trị còn lại của từng loại tài sản góp vốn; thời điểm góp vốn của từng loại tài sản.

Phụ lục I-9
DANH SÁCH CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP ĐỐI CÔNG TY CỔ PHẦN

Số TT	Tên Cổ đông sáng lập	Địa chỉ	Quyết định thành lập	Vốn góp						Thời điểm góp vốn	Chữ ký của cổ đông sáng lập
				Tổng số cổ phần		Loại cổ phần					
						Phổ thông				
				Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)

....., ngày tháng năm

Đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

Cột (2) Cổ đông sáng lập là cá nhân : Họ và tên/ngày sinh/Giới tính /Quốc tịch

Cột (3) Địa chỉ : Cổ đông sáng lập là cá nhân : Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú
Cổ đông sáng lập là pháp nhân: địa chỉ trụ sở chính

Cột (4) Đối với cổ đông sáng lập là cá nhân: Số, ngày, nơi cấp Chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc giấy tờ chứng thực cá nhân
Đối với cổ đông sáng lập là pháp nhân: Quyết định thành lập, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc tài liệu tương đương
khác

Phụ lục I-10
DANH SÁCH THÀNH VIÊN SÁNG LẬP ĐỐI VỚI CÔNG TY HỢP DANH

Số TT	Tên thành viên	Địa chỉ	Quyết định thành lập	Nghề nghiệp, trình độ chuyên môn của thành viên hợp danh	Vốn góp			Chữ ký của thành viên	Ghi chú
					Tổng giá trị vốn góp	Phần vốn góp	Thời điểm góp vốn		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)

....., ngày tháng năm

Đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

Cột (2) Thành viên là cá nhân : Họ và tên/ngày sinh/Giới tính /Quốc tịch

Cột (3) Địa chỉ : Thành viên là cá nhân : Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú
Đối với thành viên là tổ chức : địa chỉ trụ sở chính

Cột (4) Đối với thành viên sáng lập là cá nhân: Số, ngày, nơi cấp Chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc giấy tờ chứng thực cá nhân
Đối với thành viên sáng lập là pháp nhân: Quyết định thành lập, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc tài liệu tương đương khác

Cột (6) Phương thức góp vốn: liệt kê tên loại tài sản góp vốn; số lượng từng loại tài sản góp vốn; giá trị còn lại của từng loại tài sản góp vốn;
thời điểm góp vốn của từng loại tài sản.

Phụ lục I-11
Bản đăng ký dự án đầu tư
(đối với trường hợp dự án đầu tư trong nước không cấp Giấy chứng nhận đầu tư)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN ĐĂNG KÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ

- [01] **Kính gửi:**
- [02] Nhà đầu tư :
Đăng ký thực hiện dự án đầu tư với nội dung sau:
- [11] 1. Tên dự án đầu tư:
- [12] 2. Địa điểm: ; Diện tích đất dự kiến sử dụng:
- [13] 3. Mục tiêu, quy mô của dự án:
- [14] 4. Vốn đầu tư dự kiến để thực hiện dự án:
- [16] 5. Thời hạn hoạt động:
- [18] 6. Kiến nghị được hưởng ưu đãi đầu tư:
7. Nhà đầu tư cam kết:
a) Về tính chính xác của nội dung đăng ký đầu tư;
b) Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật Việt Nam.
....., ngày tháng năm

[19] **NHÀ ĐẦU TƯ**

Phụ lục I-12
Bản đăng ký điều chỉnh dự án đầu tư
(đối với trường hợp điều chỉnh dự án đầu tư trong nước không cấp Giấy chứng nhận đầu tư điều chỉnh)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN ĐĂNG KÝ ĐIỀU CHỈNH DỰ ÁN ĐẦU TƯ

[01]

Kính gửi:

[02]

Nhà đầu tư :

Đăng ký điều chỉnh dự án đầu tư đã đăng ký ngày..... với nội dung sau:

(Ghi nội dung đã đăng ký và nội dung đề nghị điều chỉnh trong các mục dưới đây)

[11]

1. Tên dự án đầu tư:

[12]

2. Địa điểm:

; Diện tích đất dự kiến sử dụng:

[13]

3. Mục tiêu, quy mô của dự án:

[14]

4. Vốn đầu tư thực hiện dự án:

[16]

5. Thời hạn hoạt động:

[18]

6. Kiến nghị được hưởng ưu đãi đầu tư:

7. Nhà đầu tư cam kết:

a) Về tính chính xác của nội dung đăng ký điều chỉnh dự án đầu tư;

b) Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật Việt Nam.

....., ngày tháng năm

[19]

NHÀ ĐẦU TƯ

Phụ lục I-13

Bản đăng ký lại doanh nghiệp và dự án đầu tư
(*đối với trường hợp đăng ký lại của doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài được cấp Giấy phép đầu tư trước ngày 01/7/2006*)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN ĐĂNG KÝ LẠI DOANH NGHIỆP VÀ DỰ ÁN ĐẦU TƯ

- [01] **Kính gửi:**
- [02] Nhà đầu tư:
Đang thực hiện dự án đầu tư theo Giấy phép đầu tư (*số, ngày, nơi cấp*)
Đăng ký lại doanh nghiệp và dự án đầu tư với nội dung sau:
(*Ghi nội dung liên quan quy định tại Giấy phép đầu tư, các Giấy phép điều chỉnh đã cấp hoặc các đề nghị điều chỉnh, bổ sung nếu có trong các mục dưới đây*)
- I. Nội dung đăng ký lại doanh nghiệp**
- [03] 1. Tên doanh nghiệp:
- [04] 2. Địa chỉ trụ sở chính:
- [05] Chi nhánh/Văn phòng đại diện (*nếu có*)
- [06] 3. Loại hình doanh nghiệp:
- [07] 4. Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp:
- [08] 5. Ngành, nghề kinh doanh:
- [09] 6. Vốn của doanh nghiệp:
- [10] 7. Vốn pháp định:
- II. Nội dung dự án đầu tư:**
- [11] 1. Tên dự án đầu tư:
- [12] 2. Địa điểm thực hiện dự án: ; Diện tích đất sử dụng:
- [13] 3. Mục tiêu và quy mô của dự án:
- [14] 4. Vốn đầu tư thực hiện dự án:
- [15] Trong đó: Vốn góp để thực hiện dự án
- [16] 5. Thời hạn hoạt động của dự án:
- [17] 6. Tiến độ thực hiện dự án:
- [18] 7. Kiến nghị được hưởng ưu đãi đầu tư:
- III. Các nhà đầu tư cam kết:**
1. Về tính chính xác của nội dung hồ sơ đăng ký lại doanh nghiệp và dự án đầu tư;
2. Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật Việt Nam và các quy định của Giấy chứng nhận đầu tư
-, ngày tháng năm
- NHÀ ĐẦU TƯ**
- [19]
- [20] **Hồ sơ kèm theo:**

Phụ lục I-14

Bản đăng ký đổi Giấy chứng nhận đầu tư

(đối với trường hợp đổi Giấy chứng nhận đầu tư của các bên tham gia
hợp đồng hợp tác kinh doanh được cấp Giấy phép đầu tư trước ngày
01/7/2006)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN ĐĂNG KÝ ĐỔI GIẤY CHỨNG NHẬN ĐẦU TƯ

Kính gửi:

[01]

Các Bên hợp doanh :

[02]

Đang thực hiện dự án đầu tư..... theo Giấy phép đầu tư (số, ngày, nơi cấp)

Đăng ký đổi Giấy chứng nhận đầu tư với nội dung sau:

(Ghi nội dung liên quan quy định tại Giấy phép đầu tư, các Giấy phép điều
chỉnh đã cấp hoặc các đề nghị điều chỉnh, bổ sung nếu có trong các mục dưới đây)

[11]

1. Tên dự án đầu tư:

[12]

2. Địa điểm thực hiện dự án:

; Diện tích đất sử dụng:

[13]

3. Mục tiêu và quy mô của dự án:

[14]

4. Vốn đầu tư thực hiện dự án:

[15]

Trong đó: Vốn góp để thực hiện dự án

[16]

5. Thời hạn hoạt động của dự án:

[17]

6. Tiến độ thực hiện dự án:

[19]

7. Kiến nghị được hưởng ưu đãi đầu tư:

8. Các nhà đầu tư cam kết:

a) Về tính chính xác của nội dung hồ sơ đăng ký đổi Giấy chứng nhận đầu tư;

b) Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật Việt Nam và các quy

định của Giấy chứng nhận đầu tư.

....., ngày tháng năm

NHÀ ĐẦU TƯ

[19]

[20]

Hồ sơ kèm theo:

Phụ lục I-15

Bản đăng ký chuyển đổi loại hình doanh nghiệp

(đối với trường hợp chuyển đổi loại hình doanh nghiệp của doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài được cấp Giấy phép đầu tư trước ngày 01/7/2006)

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

BẢN ĐĂNG KÝ CHUYỂN ĐỔI LOẠI HÌNH DOANH NGHIỆP

[01] **Kính gửi:**

[02] Nhà đầu tư:

Đang thực hiện dự án đầu tư.....theo Giấy phép đầu tư (số, ngày, nơi cấp)

Đăng ký chuyển đổi loại hình doanh nghiệp với nội dung sau:

(Ghi nội dung liên quan quy định tại Giấy phép đầu tư, các Giấy phép điều chỉnh đã cấp hoặc các đề nghị điều chỉnh, bổ sung nếu có trong các mục dưới đây)

I. Đăng ký chuyển đổi doanh nghiệp

[03] 1. Tên doanh nghiệp:

[04] 2. Địa chỉ trụ sở chính:

[05] Chi nhánh/Văn phòng đại diện (nếu có)

[06] 3. Loại hình doanh nghiệp đăng ký chuyển đổi:

[07] 4. Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp:

[08] 5. Ngành, nghề kinh doanh:

[09] 6. Vốn của doanh nghiệp:

[10] 7. Vốn pháp định:

II. Đăng ký lại dự án đầu tư

[11] 1. Tên dự án đầu tư:

[12] 2. Địa điểm thực hiện dự án: ; Diện tích đất dự kiến sử dụng:

[13] 3. Mục tiêu và quy mô của dự án:

[14] 4. Vốn đầu tư thực hiện dự án:

[15] Trong đó: Vốn góp để thực hiện dự án

[16] 5. Thời hạn hoạt động:

[17] 6. Tiến độ thực hiện dự án:

[18] 7. Kiến nghị được hưởng ưu đãi đầu tư:

III. Các nhà đầu tư cam kết:

1. Về tính chính xác của nội dung hồ sơ đăng ký chuyển đổi loại hình doanh nghiệp;

2. Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật Việt Nam và các quy định của Giấy chứng nhận đầu tư.

....., ngày tháng năm

[19]

NHÀ ĐẦU TƯ

[20] **Hồ sơ kèm theo:**

Phụ lục I-16

Bản đăng ký/đề nghị điều chỉnh Giấy phép đầu tư
(*đối với doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài và các bên tham gia
hợp đồng hợp tác kinh doanh được cấp Giấy phép đầu tư trước ngày
01/7/2006 chưa đăng ký lại và không đăng ký lại*)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN ĐĂNG KÝ/ĐỀ NGHỊ ĐIỀU CHỈNH GIẤY PHÉP ĐẦU TƯ

Kính gửi:

[01]

[02] Nhà đầu tư:

Đăng ký/đề nghị điều chỉnh Giấy phép đầu tư (*số, ngày, nơi cấp*) với nội dung sau:

(*Ghi nội dung liên quan quy định tại Giấy phép đầu tư, các Giấy phép điều chỉnh đã cấp hoặc các đề nghị điều chỉnh, bổ sung nếu có trong các mục dưới đây*)

I. Điều chỉnh nội dung đăng ký kinh doanh

[03] 1. Tên doanh nghiệp:

[04] 2. Địa chỉ trụ sở chính:

[05] Chi nhánh/Văn phòng đại diện (*nếu có*):

[06] 3. Loại hình doanh nghiệp:

[07] 4. Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp:

[09] 5. Vốn của doanh nghiệp:

II. Điều chỉnh nội dung dự án đầu tư

[11] 1. Tên dự án đầu tư:

[12] 2. Địa điểm thực hiện dự án: ; Diện tích đất dự kiến sử dụng:

[13] 3. Mục tiêu và quy mô của dự án:

[14] 4. Vốn đầu tư thực hiện dự án:

[15] Trong đó: Vốn góp để thực hiện dự án

[16] 5. Thời hạn hoạt động:

[17] 6. Tiến độ thực hiện dự án:

[18] 7. Kiến nghị được hưởng ưu đãi đầu tư:

III. Nhà đầu tư cam kết:

1. Về tính chính xác của nội dung hồ sơ điều chỉnh Giấy phép đầu tư;
2. Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật Việt Nam và các quy định của Giấy phép đầu tư và Giấy chứng nhận điều chỉnh Giấy phép đầu tư.

....., ngày tháng năm

[19]

[20] Hồ sơ kèm theo:

NHÀ ĐẦU TƯ

PHỤ LỤC IV HƯỚNG DẪN CÁCH GHI

Phụ lục IV-1 Hướng dẫn cách ghi các Mẫu văn bản tại Phụ lục I quy định cho nhà đầu tư

- [01] : Tên Cơ quan cấp Giấy chứng nhận đầu tư
- [02] : Thông tin chính về từng nhà đầu tư:
- a) Đối với nhà đầu tư là cá nhân:
Họ tên (*họ tên, chức vụ, ngày sinh, dân tộc, quốc tịch*)
Chứng minh nhân dân/hộ chiếu (*số, ngày, nơi cấp*)
Giấy tờ chứng thực cá nhân khác đối với trường hợp không có CMND/hộ chiếu (*tên giấy, số, ngày, nơi cấp*)
Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:
Chỗ ở hiện nay: (*địa chỉ, điện thoại, Fax, Email*)
- b) Đối với nhà đầu tư là doanh nghiệp/tổ chức:
Tên doanh nghiệp/tổ chức
Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Giấy chứng nhận đầu tư/Quyết định thành lập (*Số, Ngày cấp, Nơi cấp*)
Thông tin về người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp/tổ chức đăng ký đầu tư, gồm:
Họ tên (*họ tên, ngày sinh, dân tộc, quốc tịch*)
Chứng minh nhân dân/hộ chiếu (*số, ngày, nơi cấp*)
Giấy tờ chứng thực cá nhân khác đối với trường hợp không có CMND/hộ chiếu (*tên giấy, số, ngày, nơi cấp*)
Chức vụ
Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:
Chỗ ở hiện nay: (*địa chỉ, điện thoại, Fax, Email*)
- [03] : Tên đầy đủ bằng chữ in hoa
- a) Tên bằng tiếng Việt
- b) Tên giao dịch bằng tiếng nước ngoài (*nếu có*)
- c) Tên viết tắt (*nếu có*)
(*Tên doanh nghiệp được đặt theo quy định của pháp luật về đăng ký kinh doanh*)
- [04] : Địa chỉ đầy đủ (*số nhà/đường, phố/xã, phường/quận, huyện/tỉnh, thành phố*)
- [05] : Địa chỉ đầy đủ của chi nhánh, văn phòng đại diện (*số nhà/đường, phố/xã, phường/quận, huyện/tỉnh, thành phố*)
- [06] : Loại hình doanh nghiệp đăng ký thành lập theo Luật Doanh nghiệp : Công ty TNHH một thành viên/hoặc Công ty TNHH có hai thành viên trở lên/ hoặc Công ty cổ phần/hoặc Công ty hợp danh/hoặc Doanh nghiệp tư nhân
- [07] : Thông tin về người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp được thành lập ghi như mục [03]
- [08] :
- | STT | Mã ngành | Tên ngành |
|-----|----------|-----------|
| | | |
| | | |
| | | |
- (*Không áp dụng đối với Phụ lục I-14*)
- [09] : 1. Cách ghi tùy thuộc vào loại hình doanh nghiệp, quy định như sau:
- a) Trường hợp thành lập doanh nghiệp tư nhân, ghi "Vốn đầu tư ban đầu", gồm

tổng số, trong đó tiền Việt Nam, tiền nước ngoài, tài sản khác (*ghi rõ loại tài sản, số lượng và giá trị còn lại của mỗi loại tài sản, có thể lập thành danh mục riêng đính kèm theo Bản đăng ký đầu tư*).

- b) Trường hợp thành lập Công ty cổ phần, ghi "Vốn điều lệ", là vốn điều lệ đã góp tại thời điểm đăng ký, gồm tổng số cổ phần, mệnh giá cổ phần; số cổ phần, loại cổ phần cổ đông sáng lập đăng ký mua; số cổ phần, loại cổ phần dự kiến chào bán
- c) Trường hợp thành lập công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty hợp danh, ghi "Vốn điều lệ", là vốn điều lệ đã góp tại thời điểm đăng ký, gồm tổng số và phần vốn góp của mỗi thành viên được liệt kê tại Danh sách thành viên

2. Vốn ghi theo đơn vị tiền đồng Việt Nam, trường hợp dự án có vốn đầu tư nước ngoài, bổ sung giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài

[10] : Chi áp dụng đối với doanh nghiệp kinh doanh ngành nghề pháp luật quy định phải có vốn pháp định (*như lĩnh vực tài chính, ngân hàng, bảo hiểm,...*)

[11] : Tên dự án đầu tư đầy đủ viết bằng chữ in hoa tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài (*nếu có*)

[12] : Địa chỉ đầy đủ (*số nhà/đường, phố/xã, phường/quận, huyện/tỉnh, thành phố*)

Ghi diện tích đất dự kiến sử dụng (m² hoặc ha)

[13] : Ghi cụ thể loại hình sản phẩm/hoặc dịch vụ, quy mô dự án

Ví dụ:

- Sản xuất than hoạt tính quy mô 500.000 tấn/năm

- Xây dựng, kinh doanh khách sạn 500 buồng tiêu chuẩn 5 sao

[14] : Ghi tổng vốn đầu tư bằng đồng Việt Nam, trường hợp dự án có vốn đầu tư nước ngoài, bổ sung giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài

[15] : Ghi rõ phần vốn góp, loại vốn và tiến độ góp vốn :

(*Đối với trường hợp nhiều nhà đầu tư thì ghi cụ thể phần vốn góp, loại vốn và tiến độ góp vốn của từng nhà đầu tư*)

[16] : Thời hạn hoạt động của dự án kể từ ngày cấp Giấy chứng nhận đầu tư

[17] : Ghi dự kiến tiến độ thực hiện các hạng mục, công việc chính (*ví dụ: khởi công, thời gian xây dựng, mua sắm, lắp đặt máy móc thiết bị, thời điểm bắt đầu kinh doanh...*)

[18] : a) Mức thuế suất và miễn, giảm thuế thu nhập doanh nghiệp:

b) Miễn thuế nhập khẩu:

c) Miễn, giảm tiền thuê, thuế sử dụng đất, mặt nước, mặt biển:

d) Kiến nghị khác (*nếu có*)

[19] Trường hợp có nhiều nhà đầu tư thì từng nhà đầu tư ký tên; đóng dấu (*nếu có*)

(*Nếu nhà đầu tư là doanh nghiệp/tổ chức thì người ký tên là người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp/tổ chức đó*)

[20] Hồ sơ kèm theo:

<u>Loại văn bản</u>	<u>Trường hợp áp dụng</u>
<ul style="list-style-type: none"> - Bản sao hợp lệ Giấy chứng minh nhân dân/Hộ chiếu/hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác; bản sao Quyết định thành lập/Giấy CNĐKKD/hoặc tài liệu tương đương khác của tổ chức; - Văn bản ủy quyền kèm bản sao Giấy chứng minh nhân dân/Hộ chiếu/hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của người đại diện 	<ul style="list-style-type: none"> - Mọi trường hợp quy định phải có hồ sơ kèm theo - Không áp dụng đối với trường hợp đăng ký lại, đổi Giấy chứng nhận đầu tư và chuyển đổi loại hình doanh nghiệp.
<ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo năng lực tài chính của nhà đầu tư (<i>do nhà đầu tư lập và chịu trách nhiệm</i>) 	<ul style="list-style-type: none"> - Mọi trường hợp, trừ dự án đầu tư trong nước thuộc diện đăng ký
<ul style="list-style-type: none"> - Hợp đồng liên doanh 	<ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp thành lập tổ chức kinh tế liên doanh với nhà đầu tư nước ngoài

- Hợp đồng liên doanh sửa đổi	- Trường hợp điều chỉnh Giấy chứng nhận đầu tư có thay đổi nội dung Hợp đồng liên doanh đã ký - Trường hợp đăng ký lại, chuyển đổi loại hình doanh nghiệp có thay đổi nội dung Hợp đồng liên doanh đã ký
- Hợp đồng hợp tác kinh doanh	- Trường hợp đầu tư theo hình thức Hợp đồng hợp tác kinh doanh.
- Hợp đồng hợp tác kinh doanh sửa đổi	- Trường hợp điều chỉnh Giấy chứng nhận đầu tư có thay đổi nội dung Hợp đồng hợp tác kinh doanh đã ký - Trường hợp đổi Giấy chứng nhận đầu tư của Hợp đồng hợp tác kinh doanh có thay đổi nội dung Hợp đồng hợp tác kinh doanh đã ký
- Dự thảo Điều lệ doanh nghiệp - Danh sách thành viên/cổ đông sáng lập	- Trường hợp thành lập Công ty TNHH/Công ty cổ phần/Công ty hợp danh
- Dự thảo Điều lệ doanh nghiệp sửa đổi - Danh sách thành viên/cổ đông sáng lập	- Trường hợp điều chỉnh Giấy chứng nhận đầu tư có thay đổi nội dung Điều lệ doanh nghiệp hoặc bổ sung thêm thành viên mới. - Trường hợp đăng ký lại, chuyển đổi loại hình doanh nghiệp có sửa đổi Điều lệ doanh nghiệp hoặc bổ sung thêm thành viên mới
- Giải trình kinh tế - kỹ thuật	- Đối với dự án thuộc diện thẩm tra cấp Giấy chứng nhận đầu tư
- Giải trình những nội dung điều chỉnh và lý do điều chỉnh	- Trường hợp điều chỉnh Giấy chứng nhận đầu tư (Giấy phép đầu tư) thuộc diện thẩm tra
- Bản giải trình khả năng đáp ứng điều kiện của dự án đầu tư	- Đối với dự án thuộc lĩnh vực đầu tư có điều kiện
- Văn bản xác nhận vốn pháp định	- Đối với ngành nghề pháp luật quy định phải có vốn pháp định
- Bản sao hợp lệ chứng chỉ hành nghề	- Đối với trường hợp kinh doanh ngành, nghề mà theo quy định của pháp luật phải có chứng chỉ hành nghề
- Bản sao Giấy chứng nhận đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư điều chỉnh, Giấy chứng nhận điều chỉnh Giấy phép đầu tư	- Đối với các trường hợp điều chỉnh Giấy chứng nhận đầu tư
- Bản sao Giấy phép đầu tư, Giấy phép đầu tư điều chỉnh, Giấy chứng nhận điều chỉnh Giấy phép đầu tư	- Trường hợp đăng ký lại, chuyển đổi loại hình doanh nghiệp và đổi Giấy chứng nhận đầu tư.
- Quyết định chuyển đổi loại hình doanh nghiệp của Hội đồng quản trị, Đại hội cổ đông hoặc chủ doanh nghiệp 100% vốn nước ngoài	- Trường hợp chuyển đổi loại hình doanh nghiệp